TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số**:** 41/2023/HNGĐ-ST Ngày: 30-5-2023 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đàm Thị Thanh Loan

Bà Trần Thị Mỹ Xuân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2023/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn D, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền nhận thủ tục tố tụng: ông Dương N, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp T, xã TT, huyện TT, Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Bà Trương N, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm T, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 20/02/2023 nguyên đơn trình bày:

Ông và bà Trương N tự nguyện sống chung với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 10/01/2020 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Thời gian đầu vợ chồng ông sống chung với nhau rất vui vẻ, hạnh phúc, nhưng thời gian về sau vào khoảng tháng 06/2022 thì vợ chồng ông phát sinh nhiều bất đồng quan điểm trong lối sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã với nhau, nhưng không ai biết. Hiện vợ chồng ông cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên vợ chồng ông muốn trả tự do cho nhau. Nên ông yêu cầu ly hôn với bà Trương N.

Ông và bà N có một con chung là cháu Nguyễn B, sinh ngày 18/11/2019, hiện nay cháu B đang sống chung với ông. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Còn về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra ông D yêu cầu được vắng mặt khi xét xử do điều kiện đi lại xa, bận công việc.

2/ Theo đơn yêu cầu lập ngày 22/02/2023 bị đơn bà Trương N trình bày:

Bà có biết việc ông Nguyễn D nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm để yêu cầu ly hôn với bà. Bà cũng thống nhất nội dung trình bày của ông D trong đơn kiện về quan hệ hôn nhân, con chung, không tài sản chung và nợ chung. Vợ chồng bà đã thỏa thuận được với nhau về các nội dung sau đây: Về hôn nhân thì bà cũng đồng ý ly hôn với ông D; về con chung bà và ông D có với nhau một con chung là cháu Nguyễn B, sinh ngày 18/11/2019, bà đồng ý giao cháu cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: Không yêu cầu giải quyết. Do bà bận đi làm ăn xa nên xin được vắng mặt khi xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn D và bị đơn bà Trương N đều vắng mặt, nhưng đều có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn D và bà Trương N được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới và đến ngày 10/01/2020 ông D và bà N là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà N là hợp pháp. Trong cuộc sống vợ chồng của ông D và bà N, theo ông D cho rằng vợ chồng ông phát sinh nhiều bất đồng quan điểm trong lối sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã với nhau, hiện vợ chồng ông cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên vợ chồng ông muốn trả tự do cho nhau ông vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà N. Còn bà N cũng đồng ý ly hôn với ông D. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của ông D và bà N đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D, cho ông D được ly hôn với bà N.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn D và bà Trương N có một con chung là cháu

Nguyễn B, sinh ngày 18/11/2019, hiện nay cháu B đang sống chung với ông D. Và ông D có yêu cầu nuôi con. Bà N đồng ý giao con cho ông D nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con….*". Đồng thời, để đảm bảo môi trường sống của cháu B được ổn định không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu B cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho bà N không ai được quyền ngăn cản. Từ đó, chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn ông D.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: ông D không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông Nguyễn D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006521 ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông D đã thực hiện xong phần án phí, bà N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn D.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn D được ly hôn với bà Trương N.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn B, sinh ngày 18/11/2019 cho ông Nguyễn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Bà Trương N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006521 ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông D đã thực hiện xong phần án phí. Bà Trương N không phải chịu án phí.

6/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường T, TP H, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký và đóng dấu

Đặng Thị Vàng